

Bản án số: 371/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19-3-2020

V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng;

2. Bà Trần Thị Mỹ Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1631/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn N, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: 36 đường L, Khu phố K, phường A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. (có yêu cầu vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Phan Ngọc T, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: 36 đường L, Khu phố K, phường A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. (có yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 05/11/2019 và bản tự khai ngày 17/01/2020, nguyên đơn ông Huỳnh Văn N trình bày: Ông và bà Phan Ngọc T tự quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu thì tổ chức hôn lễ và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh V theo Giấy chứng nhận kết hôn số 111 ngày 10/9/2001;

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nên hay cự

cãi nhau vì nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu là do bà T đam mê cờ bạc dẫn đến nợ nần phải bán nhà để trả nợ, ông N nhiều lần khuyên nhủ nhưng không được; hiện nay xác định tình cảm không còn nên ông N yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông N khai vợ chồng có 02 con chung tên: Huỳnh A T, sinh ngày 10/4/1998 và Huỳnh N T, sinh ngày 01/3/2000; đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông N khai không có.

Bị đơn bà Phan Ngọc T thống nhất với ông N về nguyên nhân và điều kiện kết hôn của vợ chồng; thừa nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do làm ăn thất bại dẫn đến nợ nần phải bán nhà. Bà T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: bà T khai thống nhất với trình bày của ông N.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn N có đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Phan Ngọc T. Bị đơn hiện cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn N và bà Phan Ngọc T kết hôn và chung sống với nhau, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh V theo Giấy chứng nhận kết hôn số 111 ngày 10/9/2001 nên có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà T là hợp pháp;

Quá trình chung sống, ông N khai thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau có nhiều bất đồng quan điểm sống, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do bà T đam mê cờ bạc dẫn đến nợ nần phải bán nhà để trả nợ.

Xét, mâu thuẫn vợ chồng của ông N và bà T xuất phát từ việc nợ nần dẫn đến việc bán nhà để trang trải các khoản nợ là có thật, được bà T thừa nhận; mâu thuẫn này đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó cần chấp nhận cho ông N được ly hôn với bà T, điều này phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Ông N và bà T khai thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên: Huỳnh A T, sinh ngày 10/4/1998 và Huỳnh N T, sinh ngày 01/3/2000; đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà T khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí:

- Ông Huỳnh Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn N.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn N được ly hôn với bà Phan Ngọc T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 111 ngày 10/9/2001 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh V cấp không còn giá trị.

Về con chung: Ông N và bà T thống nhất có 02 con chung là: Huỳnh A T, sinh ngày 10/4/1998 và Huỳnh N T, sinh ngày 01/3/2000; đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

2. Về án phí: Ông Huỳnh Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0064211 ngày 03/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; Ông N đã nộp đủ án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Bình Tân;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- UBND nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: HS + VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Thái